

Số: 559 / BVM-RHM.KD

Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2023

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán tổ chức mua sắm hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn quý III, quý IV năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – Cận lâm sàng, Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Quý đơn vị có thể gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Cận lâm sàng (lầu 3), Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ, số 39 đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

- Nhận qua email: [dauthau.bvmatrhmcantoho@gmail.com](mailto:dauthau.bvmatrhmcantoho@gmail.com)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 07 tháng 9 năm 2023 đến trước 10 giờ 00 phút ngày 18 tháng 9 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày được ghi trên báo giá.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): *Phụ lục 1 đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: số 39 đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Thời gian giao hàng dự kiến: 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và xuất hóa đơn, biên bản xác nhận khối lượng công việc và mẫu 8a.

5. Các thông tin khác: không có

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Đăng trang web BV;
- Lưu: VT, KD.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Hòa**





## PHỤ LỤC 1

### DANH MỤC THIẾT BỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: 559 /BVM-RHM.KD ngày 06 / 9 /2023)

| STT | Danh mục                          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
|     | <b>VẬT TƯ Y TẾ</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |             |
| 1   | Băng keo cuộn (lụa)               | Kích thước $\geq 2.5\text{cm} \times 5\text{m}$ , chất liệu: vải lụa, keo oxyd kẽm, dính tốt, không gây dị ứng, dễ xé ngang dọc, lực xé tối đa 5kgs/cm. Hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 263                 | cuộn        |
| 2   | Bông y tế thấm nước               | Khối lượng: 1kg, không vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 45                  | Kg          |
| 3   | Cọ quét keo trám                  | Cọ bond siêu nhỏ dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 700                 | Cây         |
| 4   | Dao mổ mắt 15 độ                  | Dao mổ phụ 15 độ, Chọc tiền phòng trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, cán nhựa. Được đóng gói vô trùng từng cái.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 600                 | Cái         |
| 5   | Băng keo nhiệt                    | Kích thước: $1.25\text{cm} \times 55\text{m}$ . Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. không chứa Chì. Hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 36                  | Cuộn        |
| 6   | Băng vô trùng trong suốt (Dán mi) | Kích thước $\geq 6\text{cm} \times 7\text{cm}$ .<br>Miếng dán vô trùng trong suốt, màng bán thấm Polyurethane, chống thấm nước và vi khuẩn, rào cản chống virus có đường kính $\geq 247\text{nm}$ (HIV-1 và HBV), quan sát vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da. Nền keo Acrylate, không dị ứng. Có khung viền giấy giúp dễ thao tác, có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Chất liệu/ thành phần: Giấy lót phủ Sillicon: 5-65%. Film Polyurethane: 2-15%. Keo Acrylate: 3 - 30% | 2.400               | miếng       |



| STT | Danh mục                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                        | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
|     |                                              | Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng<br>Hoặc tương đương                                                                                                    |                     |             |
| 7   | Bộ dây phaco lạnh                            | Bộ dây tưới hút phaco lạnh (Sovereign Compact Reusable) OPO65                                                                                               | 4                   | Bộ          |
| 8   | Bơm tiêm 10 ml                               | Nhựa y tế, bơm tiêm 10ml, kim 25Gx1, có nắp đậy đầu kim                                                                                                     | 2.000               | Cái         |
| 9   | Bơm tiêm 20ml                                | Nhựa y tế, bơm tiêm 20ml, kim 23Gx1, 20ml. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh.                                                                           | 800                 | Cái         |
| 10  | Bơm tiêm 5ml                                 | Nhựa y tế, Bơm kim tiêm nhựa liền kim 5ml- cỡ kim 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8", đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh. Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. | 11.500              | Cái         |
| 11  | Cao su nặng lấy dầu răng                     | Độ nhớt cao dùng cho kỹ thuật phủ cao su quanh răng, dễ trộn, ổn định về kích thước                                                                         | 4                   | Bộ          |
| 12  | Cao su nhẹ lấy dầu răng                      | Độ nhớt thấp, có thể bơm được, độ chính xác cao, cho chi tiết lấy dầu sắc nét, bề mặt dầu trơn mịn và chính xác đến các chi tiết nhỏ nhất                   | 9                   | Hộp         |
| 13  | Casset Laurea                                | Cassette sử dụng cho máy Laureate                                                                                                                           | 100                 | Cái         |
| 14  | Chất lấy dầu răng                            | Chất lấy dầu là loại vật liệu dễ trộn thành dạng kem, đồng nhất, không có bọt khí                                                                           | 12                  | Bịch        |
| 15  | Chỉ không tan đơn sợi tổng hợp (Chỉ nylon 5) | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 5/0, dài 75cm, kim DS16 phủ silicone, đóng gói 02 lớp DDP                                                    | -                   | Tép         |



| STT | Danh mục                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 16  | Chỉ không tan đơn sợi tổng hợp (Chỉ nilon 6) | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 6/0, dài 45cm, kim DS12 phủ silicone, đóng gói 02 lớp DDP                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 84                  | Tép         |
| 17  | Chỉ không tan tổng hợp 10/0                  | Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm, làm từ Polyamide 6-6.6 cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Chỉ màu xanh dương hoặc đen, Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa. Tính chất: thép cứng, không gỉ, không cong, không gãy, kích cỡ chỉ và kim phù hợp theo yêu cầu. Được đóng gói tiệt trùng từng tép. | 220                 | Tép         |
| 18  | Chỉ nha khoa                                 | Đường kính nhỏ, dễ trượt qua kẽ răng, kể cả những kẽ răng hẹp, không dễ bị tưa khi sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6                   | Cuộn        |
| 19  | Chỉ tan tổng hợp đa sợi                      | Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 910 số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 17mm 1/2C RB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 84                  | Sợi         |
| 20  | Chỉ tan tổng hợp đa sợi                      | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Caresorb (Polyglactin 910) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm; giữ vết khâu tốt trong vòng 30 ngày, thời gian tan hoàn toàn: 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ; Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm                                                                                                                                                            | 140                 | Tép         |
| 21  | Chỉ tan tổng hợp đa sợi                      | Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 910 số 3/0 dài 75mm, kim tam giác 26mm 1/2C RB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 130                 | Tép         |
| 22  | Chỉ thép cuộn                                | Chỉ thép mềm đường kính 0.4mm/16, cuộn 30m, REF 500-040-00                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3                   | Cuộn        |



| STT | Danh mục                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                 | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 23  | Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm  | Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 12 mm, giữ vết khâu tốt từ 14-21 ngày, thời gian tan hoàn toàn: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ, Chỉ màu nâu, phủ muối Crôm, làm bằng sợi Collagen bền xoắn chắc chắn                             | 60                  | Tép         |
| 24  | Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm  | Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26                                                                                                                                                                                             | 460                 | Tép         |
| 25  | Cone Protaper trám bít ống tủy | Cone chính gutta percha dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha                                                                                                                                                                                                                 | 20                  | Hộp         |
| 26  | Cung Hàm                       | Dùng trong răng hàm mặt                                                                                                                                                                                                                                                              | 10                  | Bộ          |
| 27  | Đai cellulose                  | Độ dày phù hợp để tái tạo tiếp xúc bên chặt chẽ, đảm bảo thẩm mỹ và chức năng cho vùng răng trước, Linh hoạt, bề mặt láng mịn, dễ uốn cong                                                                                                                                           | 200                 | Cái         |
| 28  | Dao mổ mắt 28 độ               | Dao mổ mắt chính (Clear Corneal Knifes) 2.8mm. Tạo đường hầm trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, vát 2 mặt, cán nhựa. Hộp 05 cái, Được đóng gói vô trùng từng cái.                                                                                                         | 600                 | Cái         |
| 29  | Dầu bôi trơn tay khoan         | Thể tích $\geq$ : 505 ml                                                                                                                                                                                                                                                             | 6                   | Chai        |
| 30  | Đầu clole vàng                 | Loại có khóa, không khóa                                                                                                                                                                                                                                                             | 5.000               | Cái         |
| 31  | Đầu côn xanh các loại          | Loại có khóa, không khóa                                                                                                                                                                                                                                                             | 5.000               | Cái         |
| 32  | Dây truyền dịch                | Chiều dài $\geq$ 150cm; Bầu đếm giọt không có màng lọc khoảng 20 giọt/ml; Có kim lấy thuốc, Kim 21G x 1/2; Được tiệt trùng. Không độc hại, không móp gập khi truyền không thay đổi tính chất vật lý, hóa học khi nhiệt độ môi trường thay đổi. Thích hợp sử dụng đo áp lực nội mạch. | 725                 | Cái         |



| STT | Danh mục                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                 | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 33  | Dụng cụ chữa tủy Protaper quay tay           | Chiều dài 21mm; 25mm , các số SX,S1,S2, F1,F2,F3.                                                                                                                                                                                                                    | 20                  | Vĩ          |
| 34  | Dung dịch khử khuẩn bề mặt                   | 0,14% didecyldimethylammonium chloride + 0,096% Polyhexamethylene biguanide hydrochloride                                                                                                                                                                            | 6                   | Chai 1 lít  |
| 35  | Gạc mét y tế                                 | - Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, Mật độ khoảng 26x18 sợi/inch, Tri số sợi CD khoảng 32/1. Trọng lượng 25-30 grams/m <sup>2</sup> . Tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix | 2.700               | Mét         |
| 36  | Găng tay khám                                | Găng tay dùng để khám bệnh, chưa tiệt trùng, size XS; S; M; L                                                                                                                                                                                                        | 17.400              | Đôi         |
| 37  | Găng tay tiệt trùng                          | Chất liệu cao su thiên nhiên có bột chống dính ( số 6; 6.5; 7; 7.5; 8). Tiệt trùng                                                                                                                                                                                   | 14.510              | Đôi         |
| 38  | Giấy điện tim ba cần 63mmx30m                | Kích thước: (63mm*30m)                                                                                                                                                                                                                                               | 70                  | Cuộn        |
| 39  | Giấy in kết quả máy siêu âm (Giấy siêu âm A) | 75mm*50mm                                                                                                                                                                                                                                                            | 80                  | Cuộn        |
| 40  | Giấy in nhiệt                                | Kích thước $\geq$ : 57 x 30                                                                                                                                                                                                                                          | 80                  | Cuộn        |
| 41  | Giấy siêu âm 110x20                          | Tương thích với máy UPP 110S (hoặc tương đương). Kích thước $\geq$ : 110mm x 20m                                                                                                                                                                                     | 80                  | Cuộn        |
| 42  | Hộp đựng vật sắc nhọn y tế loại 1,5 lít      | Dung tích $\geq$ : 1,5 lít                                                                                                                                                                                                                                           | 119                 | Cái         |



| STT | Danh mục                                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 43  | Huyết áp kế người lớn                         | Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg. Độ chính xác 3mmHg. Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao. Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá.                                                                                                                                                                                                | 7                   | Cái         |
| 44  | Khẩu trang y tế                               | 3 lớp, có dây đeo tai, tiết trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9.700               | Cái         |
| 45  | Khay lấy dấu răng nhựa các loại               | Khay lấy dấu răng làm từ nhựa, sử dụng không bị kích ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 120                 | Cái         |
| 46  | Kim gây tê nha khoa                           | Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vận kim vào.<br>Kim sắc bén, nhọn giảm cảm giác đau, khó chịu cho bệnh nhân.<br>Size: Các cỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2.500               | Cây         |
| 47  | Kim luồn số 22G                               | Đường kính và độ dài catheter $\geq$ 0.9mm x 25mm; Có đầu bảo vệ bằng kim loại; Đầu kim được 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa; Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. Kim luồn có cánh, có cửa, tốc độ chảy $\geq$ 36ml/phút;                                                                                                                                                                                                                           | 400                 | Cây         |
| 48  | Kim luồn tĩnh mạch số 24                      | Đường kính và độ dài catheter: 0.7mmx19mm; Có đầu bảo vệ bằng kim loại; Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút; Tốc độ chảy 1320ml/giờ                                                                                                                                                                                                                                                           | 130                 | Cây         |
| 49  | Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ | Đốc kim và nắp chụp kim: Nhựa đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế, không chứa DEHP; Thân kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ; Cỡ kim 18G x 1½"; 18G x 5/8", 23G x 1½"; 23G x 5/8", 25G x 1½", 25G x 5/8"; 26G x 1½", 26G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu; Sản phẩm được tiệt trùng. | 3.950               | Cái         |



| STT | Danh mục                                                          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                   | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 50  | Mũ giấy phẫu thuật                                                | Chất liệu: vải không dệt, không độc, không kích ứng.<br>Đặc điểm: Thun đôi 2 sợi, ôm khít vòng đầu. Thoáng khí, thoải mái.<br>Được tiệt trùng, đảm bảo vô trùng. Đóng gói 1 cái/ gói                                                   | 2.200               | Cái         |
| 51  | Mũi đánh bóng răng silicon                                        | Mũi silicon                                                                                                                                                                                                                            | 60                  | Mũi         |
| 52  | Mũi khoan kim cương                                               | Kim cương các loại                                                                                                                                                                                                                     | 240                 | Mũi         |
| 53  | Mũi Khoan xương                                                   | Mũi trụ thép, chiều dài $\geq 44,5$ mm, mã số 701, 702, 703. dùng cho tay khoan thẳng, tốc độ chậm                                                                                                                                     | 600                 | Mũi         |
| 54  | Ống hút nha                                                       | Chất liệu bằng nhựa dẻo dùng trong y tế, sử dụng 1 lần                                                                                                                                                                                 | 2.000               | Cái         |
| 55  | Ống nghiệm Heparin                                                | Thể tích: 4 - 5ml. Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế, mới 100%. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin, Kích thước ống khoảng 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm khoảng 5000 vòng/phút tròn | 3.800               | Ống         |
| 56  | Sleeve và buồng thử bằng silicone, các cỡ 19G, dùng với máy phaco | Tiêu chuẩn: dụng cụ tưới hút phân chia dòng chảy trong chu kỳ phaco, đảm bảo ổn định tiền phòng                                                                                                                                        | 30                  | Cái         |
| 57  | Sò đánh bóng răng                                                 | Bột đánh bóng tạo vôi với thành phần flouride hỗ trợ ngừa sâu răng                                                                                                                                                                     | 60                  | Con         |
| 58  | Thạch cao đổ mẫu (loại cứng)                                      | Thạch cao nha khoa và đổ mẫu là vật liệu lấy dấu siêu cứng thường ứng dụng nhiều cho cả nha khoa và labo                                                                                                                               | 6                   | Gói         |



| STT | Danh mục                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                       | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 59  | Trâm chữa tủy răng các số | Trâm gai Mani được làm từ chất liệu cao cấp, thiết kế sắc bén, chuyên dùng lấy tủy                                         | 200                 | Vĩ          |
| 60  | Trâm gai Việt Nam         | Trâm gai lấy tủy dẻo, sắc bén, hiệu quả                                                                                    | 60                  | Vĩ          |
| 61  | Trâm Protaper(quay máy)   |                                                                                                                            | 2                   | Vĩ          |
| 62  | Trục lắp đĩa đánh bóng    | Đĩa đánh bóng chuyên sử dụng cho răng cửa, đánh bóng hiệu quả không gây hại miềng trám, đảm bảo tính thẩm mỹ cao           | 5                   | Cái         |
| 63  | Xi măng trám (fuji 9)     | Xi măng dùng trám răng trong chuyên khoa Răng Hàm Mặt                                                                      | 6                   | Hộp         |
| 64  | Lưỡi dao mổ các số        | Chất liệu: Thép không rỉ. Thiết kế cân đối, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện. Gồm các số từ 11 đến 15 | 900                 | Cái         |
| 66  | Chỉ Silk 7/0              | Chỉ không tan tự nhiên silk 7/0, kim tam giác 3/8c, dài khoảng 75cm, chiều dài kim khoảng 13mm                             | 24                  | Sợi         |
| 67  | Chỉ Silk 8/0              | Chỉ không tan tự nhiên silk 8/0, kim tam giác 3/8c, dài khoảng 75cm, chiều dài kim khoảng 13mm                             | 24                  | Sợi         |
| 68  | Chỉ Silk 4/0              | Chỉ không tan tự nhiên silk 4/0, kim tam giác 3/8c, dài khoảng 75cm, chiều dài kim khoảng 13mm                             | 48                  | Sợi         |
| 69  | Chỉ Chromic 7/0           | Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 12 mm.                                      | 24                  | Sợi         |



| STT | Danh mục                                              | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                            | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 70  | Ống nội khí quản thẳng các số có cuff                 | Ống nội khí quản có bóng hoặc không có bóng. Chất liệu: nhựa y tế. Có tiết trùng.<br>Các số: 2-7,5.                                                                                             | 100                 | Cái         |
| 71  | Ống nội khí quản cong mũi các số có cuff              | Ống nội khí quản có bóng hoặc không có bóng. Chất liệu: nhựa y tế. Có tiết trùng.<br>Các số: 2-7,5.                                                                                             | 50                  | Cái         |
| 72  | Airway các số                                         | Airway các số                                                                                                                                                                                   | 200                 | Cái         |
| 73  | Sleeve và buồng thở bằng silicon các cỡ 19G + TIP 19G | Tiêu chuẩn: dụng cụ tưới hút phân chia dòng chảy trong chu kỳ phaco, đảm bảo ổn định tiền phòng                                                                                                 | 2                   | Cái         |
| 74  | Dây hút nhót các số                                   | Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế.<br>Độ dài $\geq 500$ mm.<br>Các số: 5-18<br>Không độc, không gây kích ứng khó chịu khi sử dụng. Đóng gói và tiết trùng từng cái, sẵn sàng sử dụng | 200                 | Sợi         |
| 75  | Chất diệt tủy răng                                    | - Dùng để diệt tủy răng<br>- Thành phần: Ephedrin, lidocain, camphor, parachlorophenol<br>- Đóng gói tối thiểu 5 g/lọ                                                                           | 1                   | lọ          |
| 76  | Băng thép (Matric)                                    | dùng trong nha khoa                                                                                                                                                                             | 50                  | miếng       |
| 77  | Chốt tủy                                              | Chốt đặt trong ống tủy                                                                                                                                                                          | 5                   | gói         |
| 78  | Pin ngà                                               | Chốt kim loại nhỏ, được sử dụng gắn hoặc cắm trực tiếp lên ngà răng để phục hồi mô cứng của răng, nhằm tăng khả năng lưu giữ khối hàn ở những răng có tổn thương sâu hơn                        | 1                   | hộp         |



| STT | Danh mục                          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                          | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 79  | Mũi Cạo vôi                       | Mũi cạo vôi dùng cho máy cạo vôi dùng trong nha khoa                                                                                                                                                          | 12                  | mũi         |
| 80  | Đĩa nhám đánh bóng răng           | Đĩa đánh bóng răng composite                                                                                                                                                                                  | 2                   | gói         |
| 81  | Miếng cầm máu dùng trong nha khoa | Tăng cường làm đông và cầm máu, hỗ trợ lành thương, ngừa viêm nhiễm nhờ vào hiệu quả kháng khuẩn duy trì lâu, ngăn chặn xuất huyết hậu phẫu thuật, ngăn chặn hình thành sâu răng thứ phát, tụt tiêu, vô trùng | 10                  | gói         |
| 82  | Sáp lá                            | Sáp lá dùng ghi dấu khớp cắn, lấy dấu phục hình                                                                                                                                                               | 5                   | hộp         |
| 83  | Bộ lèn                            | Bộ lèn dùng trong nha khoa                                                                                                                                                                                    | 2                   | bộ          |
| 84  | Mũi khoan chốt/mũi peso           | Được dùng để tạo hình ống tủy và lấy cone gutta percha cũ điều trị tủy lại, chuẩn bị cho quá trình thực hiện cùi giả đúc hoặc trám đặt chốt tái tạo cùi răng. Gồm số 1,2,3                                    | 15                  | cây         |
| 85  | Lentulo                           | Chất liệu: thép không gỉ, có độ đàn hồi, mềm dẻo linh hoạt. Chịu được nhiệt độ hấp khử trùng tái sử dụng mà không bị biến dạng, biến tính.                                                                    | 5                   | vĩ          |
| 86  | Chổi đánh bóng                    | Dùng để đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi trước gắn/dán với các vật liệu khác, có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần, bản chất nhựa epoxy, không chứa acrylic, không chứa eugenol         | 100                 | cây         |
| 87  | Fuji I                            | Dùng trong nha khoa                                                                                                                                                                                           | 1                   | Hộp         |
| 88  | Băng keo cá nhân                  | Băng có độ thông thoáng không làm bí vết thương. Gạc của băng có độ thấm hút tốt, mềm và có lớp cách Polyethylene ngăn cách giữa vết thương và gạc. Độ co giãn tốt.                                           | 3.800               | Miếng g     |
| 89  | Kim chích lấy máu                 | Kim chích máu vô khuẩn sử dụng 1 lần                                                                                                                                                                          | 3.800               | Cái         |



| STT | Danh mục                                                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                         | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 90  | Kim chích máu các loại                                                 | Kim chích máu vô khuẩn sử dụng 1 lần dùng cho máy test đường huyết                                                                                                                                           | 400                 | Cái         |
| 91  | Ống nhựa không nắp                                                     | Ống nghiệm nhựa trong suốt, kích thước: $\geq (13 \times 75\text{mm})$ , không nắp, không nhãn.                                                                                                              | 3.800               | Cái         |
| 92  | Ống nghiệm EDTA                                                        | Chất liệu: Polypropylene khoảng 5ml (tương đương 75 x13 mm) trung tính, nắp bằng cao su, có nhãn viết chữ. Sử dụng chất kháng đông EDTA, bảo đảm sự kháng đông hoàn toàn. Dùng đựng máu thực hiện xét nghiệm | 3.800               | Cái         |
| 93  | Lame kính trơn                                                         | Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được kết quả rõ ràng.                                                                                                                  | 3.800               | Cái         |
| 94  | Dây Garo                                                               | Dây garo vải có khóa                                                                                                                                                                                         | 10                  | Sợi         |
|     | <b>HÓA CHẤT</b>                                                        |                                                                                                                                                                                                              |                     |             |
| 1   | Dung dịch rửa tay xà phòng phẫu thuật                                  | Chlorhexidine Digluconate 4%,                                                                                                                                                                                | 30                  | Chai        |
| 2   | Nước sát khuẩn tay nhanh                                               | Chlorhexidine digluconate 0,5%                                                                                                                                                                               | 46                  | Chai        |
| 3   | Que thử đường huyết                                                    | 07124287033 Accu-Chek Active 2 x 50 test (Que thử Đường huyết Accu-Chek Active)                                                                                                                              | 400                 | Que         |
| 4   | Que thử nước tiểu 10 thông số                                          | Dùng cho máy phân tích nước tiểu. Có cam kết đặt máy Phân tích nước tiểu và dung dịch rửa máy                                                                                                                | 3.800               | Que         |
| 5   | Vật liệu trám bít ống tủy răng Cortisomol (Cortisomol bít tủy(25g/hộp) | Thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Độ hòa tan thấp, gắn kết tốt với cone gutta percha.                                                                                                           | 2                   | Hộp         |
| 6   | Keo trám răng                                                          | Keo dán nano total-etch kỹ thuật 2 bước nhanh, dễ sử dụng, tiện lợi                                                                                                                                          | 3                   | Lọ          |



| STT | Danh mục                | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                             | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 7   | Vật liệu trám răng Z350 | Có khả năng hấp thụ huỳnh quang và tán xạ gần tương tự như men răng và ngà răng thật. Composite đặc với 100% hạt độn nano từ hãng 3M ESPE                                                                        | 12                  | Ống         |
| 8   | Eugenol                 | Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa                                                                                                                      | 2                   | ml          |
| 9   | Glyde                   | có tác dụng hoạt động như chất bôi trơn giúp giảm nguy cơ gây dụng cụ trong ống tủy                                                                                                                              | 3                   | Ống         |
| 10  | Acid Etching            | Dung dịch Etchant nhòen màu xanh chứa phosphoric 37% và benzalkonium chloride; dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive | 18                  | Tuýp        |
| 11  | Cồn 70                  | Cồn Ethanol 70 độ, không màu, trong suốt, có mùi cồn đặc trưng. Quy cách: chai 1 lít                                                                                                                             | 10                  | lít         |
| 12  | Cồn 90                  | Cồn Ethanol 90 độ, không màu, trong suốt, có mùi cồn đặc trưng. Quy cách chai 1 lít                                                                                                                              | 5                   | lít         |
| 13  | Vôi soda                | dùng để hấp phụ khí CO2 trong máy gây mê<br>Chất hấp phụ: kích cỡ hạt 2,5 - 5 mm, Hàm lượng ẩm 12-19%                                                                                                            | 2                   | kg          |
| 14  | Nước cất                | nước cất 02 lần                                                                                                                                                                                                  | 720                 | lít         |
| 15  | Thuốc tê bôi            | Thành phần 8% Lidocaine kết hợp với 0,8% Dibucaine. Thời gian tác dụng nhanh sau 30-45 giây và tê kéo dài từ 30-40 phút.                                                                                         | 2                   | lọ          |
| 16  | Composite lỏng          | Composite lỏng hàn răng vĩnh viễn                                                                                                                                                                                | 18                  | tuýp        |
| 17  | Oxyt kẽm                | Hộp 110 gam                                                                                                                                                                                                      | 2                   | hộp         |



| STT | Danh mục                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                             | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|
| 18  | Vaselin                    | lọ 20 gam                                                                                                                                        | 2                   | lọ          |
| 19  | Oxy già                    | Chai 60ml                                                                                                                                        | 30                  | chai        |
| 20  | Bột nhựa tự cứng           | Dùng làm răng tạm cho phục hình cầu mào..., đệm hàm, nền tạm, khay lấy dấu cá nhân...                                                            | 200                 | gram        |
| 21  | Nước nhựa tự cứng          | Nước nhựa tự cứng được dùng kết hợp với bột nhựa tự cứng để làm răng tạm, đệm lòng cầu mào...                                                    | 200                 | ml          |
| 22  | Dung dịch ngâm dụng cụ     | Didecyldimethylammonium chloride 6.5%w/w; Chlorhexidine Digluconate 0.074%w/w                                                                    | 5                   | lít         |
| 23  | Hóa chất nội kiểm sinh hóa | Hóa chất kiểm tra độ chính xác và lặp lại của xét nghiệm đối với các thông số xét nghiệm sinh hóa thường quy sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa | 600                 | ml          |





**PHỤ LỤC 2**  
**MẪU BÁO GIÁ**

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

[Ghi địa danh], ngày tháng năm

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

| STT | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup> | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Mã HS <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND) |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Thiết bị A                            |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| 2   | Thiết bị B                            |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| n   | ...                                   |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.